



Scale Tý-İç 1:100,000

1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 Kilometers 7 Statute Miles

2000 0 2000 4000 6000 8000 10000 12000 Yards

1 0 1 2 3 4 5 6 Nautical Miles

CONTOUR INTERVAL 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS 10 METERS

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TÙNG: 10 MÉT

SPHEROID EVEREST
GRID 1,000 METER UTM; ZONE 48
PROJECTION TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM INDIAN DATUM 1960

KHOẢNG CÁCH	EVEREST
ĐỘ CAO	UTM TỪNG 1.000 MÉT: KHU HÌNH THOI 4
HỆ THỐNG CHIỀU	UTM
BÌNH DIỆN CHUẨN	MẶT BIÊN TRUNG BÌNH TẠI HÀ TIÊN
HỆ THỐNG TRẮC CẦU CHUẨN	HỆ THỐNG TRẮC CẦU AN-ĐỘ 1960

CREDITS

PREPARED BY _____ USAMSPAC 196
NAMES DATA BY _____ SGK AND NG
CONTROL BY _____ 29TH ENGR BN AND NG
COMPILATION METHOD _____ PHOTO REDUCTION OF L7014 MAPS
OVERPRINT PREPARED BY _____ 29TH ENGR BN US ARMY, 1968

GRID ZONE DESIGNATION MÃNH-DANH BẢNG Ô THƯỜNG KHU KẾ Ô 48P	TO GIVE A STANDARD REFERENCE THIS SHEET TO NEAREST 100 METERS
--	--

MAP TO COMMANDING GENERAL, US ARMY TOPOGRAPHIC COMMAND, WASHINGTON, D.C. 20315
DELINEATION OF INTERNATIONAL BOUNDARIES MUST NOT BE CONSIDERED AUTHORITATIVE
 ĐƯỜNG BIÊN-GIỚI CHỈ TRÊN BẢN-ĐỒ CHƯA ĐƯỢC MINH-ĐỊNH

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES

GLOSSARY — CỜ-TỪ

Chi, Cư, Chư	mountain
D., Đak	stream
Ea	stream
la	stream
Khết	primary administrative division
Kon	village
Krong	stream
Ngok	mountain, mountain range
Phung, Plei, Pơlei	village
Sê	stream
Srôk	secondary administrative division
Thác	falls
Ya	stream

BOUNDARIES
NHỮNG ĐỊA GIỚI

ADJOINING SHEETS
RING BINDER

6438	6538	6638
6437	6537	6637
6436	6536	6636

87 falls within ND 48-8, 1501G.

AM; CAMBÔT

VIETNAM; CAMBÔT